

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/DS-ST

Ngày: 13/02/2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn Linh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy

Bà Trần Thị Thanh Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Trọng Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2024/TLST - DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (HD Bank).

Địa chỉ: xx Bis, đường N, phường B, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng N, chức vụ: Giám đốc ngân hàng TMCP P, chi nhánh Lâm Đồng.

Địa chỉ: x/xx T, phường x, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Thanh S, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: số xxx, quốc lộ xx, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1978, bà Trần Thị Mai T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: thôn Q, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(ông S có mặt, vợ chồng ông H, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Thanh S trình bày: vào ngày 10/11/2021 vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T có ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 37965/21MN/HĐTD vay vốn tại ngân hàng TMCP P với số tiền là 1.200.000.000đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 60 tháng kể từ ngày 10/11/2021 mục đích sử dụng vốn vay là chăn nuôi bò và trồng trọt cà phê, lãi suất cho vay trong hạn là 12%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm, thời hạn trả nợ của mỗi lần giải ngân/ từng hình thức cấp tín dụng được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Ngày 29/02/2022 vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T và ngân hàng TMCP P ký hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/ sản phẩm dịch vụ số hợp đồng HĐT/270/028/2492/00/29092022 với số tiền 120.000.000đồng. Đến ngày 12/12/2022 vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T tiếp tục ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 43626/22MN/HĐTD theo đó vợ chồng ông H, bà T vay của ngân hàng số tiền 1.000.000.000đồng thời gian vay là 12 tháng từ ngày 14/12/2022 đến ngày 13/12/2023 mục đích sử dụng vốn bổ sung vốn lưu động, gia công kỹ nghệ sắt, lãi suất là 14.5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm. Để đảm bảo khoản vay trên bà Trần Thị Mai T đã thế chấp tài sản là thửa đất số 1423, tờ bản đồ số 28, diện tích 277,3m², đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm khác tại xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng được đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông H, bà T có trả được cho ngân hàng số tiền là 300.000.000đồng đối với hợp đồng tín dụng ký kết ngày 10/11/2021, sau đó ông H, bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mặc dù ngân hàng nhiều lần đôn đốc nhưng vợ chồng ông H, bà T không trả nợ cho ngân hàng theo đúng quy định. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà T thanh toán số nợ gốc theo hai hợp đồng tín dụng là 1.900.000.000đồng và tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng và số nợ tài khoản cấp tín dụng là 119.000.000đồng và tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết. Tổng cộng gốc và lãi của các

khoản vay trong các hợp đồng trên đến ngày xét xử (13/02/2025) là 2.275.857.240 đồng.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 30075/21NM/HĐBĐ ngày 10/11/2021 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 30075/21MN/HĐBĐ/PL01 ngày 12/12/2022 giữa ngân hàng TMCP P và bà Trần Thị Mai T cho đến khi vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T thanh toán hết nợ cho ngân hàng. Ngoài ra ngân hàng không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và các văn bản tố tụng khác. Tuy nhiên, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T đều vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP P

Vụ án đã được Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, của Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T phải trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng là số 37965/21MN/HĐTD ngày 10/11/2021 và khế ước nhận nợ số nợ gốc là 900.000.000đồng và tiền lãi suất trong hạn là 43.495.892đồng, lãi suất quá hạn và số tiền lãi chậm trả là 58.974.666đồng. Tổng cộng là 1.002.470.558 đồng và số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số số 43626/22MN/HĐTD ngày 12/12/2022 số nợ gốc là 1.000.000.000đồng và tiền lãi suất trong hạn là 57.994.520đồng, lãi suất quá hạn và số tiền lãi chậm trả là 51.275.688 đồng. Tổng cộng là 1.109.270.208 đồng và tiền nợ thế tín dụng là 119.919.502 đồng và lãi trong hạn là 38.169.188 đồng và số tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả là 6.027.784đồng. Tổng cộng là 164.116.474 đồng. Tổng cộng gốc và lãi của các khoản vay trong các hợp đồng trên đến ngày xét xử (13/02/2025) là 2.275.857.240 đồng.

Ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng hạn mức cho đến khi trả nợ xong cho ngân hàng. Trường hợp ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T không thực hiện hoặc thực

hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp.

Về án phí: buộc vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ tài sản phải trả cho ngân hàng và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: xuất phát từ việc vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T có ký vay vốn của Ngân hàng TMCP P và bà Trần Thị Mai T có thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho việc vay vốn. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T trả nợ nên cần xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: qua xem xét lời khai của đương sự đối chiếu với các tài liệu chứng cứ do đương sự xuất trình thì thấy rằng: theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện vào ngày 10/11/2021 Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 37965/21MN/HĐTD với vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T, theo đó Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T vay số tiền là 1.200.000.000đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn là 12%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm đến ngày 12/11/2022 vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T đã trả cho ngân hàng 300.000.000đồng còn lại 900.000.000đồng. Ngày 29/02/2022 vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T và ngân hàng TMCP Phát triển

Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/ sản phẩm dịch vụ số HDT/270/028/2492/00/29092022 với số tiền 120.000.000đồng. Đến ngày 12/12/2022 vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T tiếp tục ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 43626/22MN/HĐTD và khế ước nhận nợ theo đó vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T vay của ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 1.000.000.000đồng thời gian vay là 12 tháng từ ngày 14/12/2022 đến ngày 13/12/2023 mục đích sử dụng vốn bổ sung vốn lưu động, gia công kỹ nghệ sắt, lãi suất là 14.5%/năm, lãi suất lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm. Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, bà Trần Thị Mai T đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đất thửa đất số 1423, tờ bản đồ số 28, diện tích 277.3m², đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm khác đất tọa lạc tại xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 963985 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 03/12/2018 cho bà Trần Thị Mai T. Hợp đồng thế chấp trên đã được công chứng tại phòng công chứng số 3 vào ngày 10/11/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 30075/21MN/HĐBĐ/PL01 ngày 12/12/2022 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Xét thấy: vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T đã ký các hợp đồng tín dụng và vay vốn tại Ngân hàng TMCP P số tiền 1.900.000.000đồng và mở thẻ tại ngân hàng với số tiền là 120.000.000đồng. Sau khi vay vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các nội dung đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Do đó, căn cứ theo quy định tại điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100 và 103 Luật các tổ chức tín dụng, cần chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng, buộc vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc cùng với tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là hoàn toàn phù hợp.

Về việc thanh toán nợ: ngân hàng xác định số nợ của vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T tính đến ngày 13/02/2025 số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng là số 37965/21MN/HĐTD ngày 10/11/2021 và khế ước nhận nợ số nợ gốc là 900.000.000đồng và tiền lãi suất trong hạn là 43.495.892đồng, lãi suất quá hạn và số tiền lãi chậm trả là 58.974.666đồng. Tổng cộng là 1.002.470.558 đồng và số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số số 43626/22MN/HĐTD ngày 12/12/2022 số nợ gốc là 1.000.000.000đồng và tiền lãi suất trong hạn là 57.994.520đồng, lãi suất quá hạn và số tiền lãi chậm trả là 51.275.688đồng. Tổng cộng là 1.109.270.208 đồng và tiền nợ thẻ tín dụng là 119.919.502 đồng và lãi trong hạn là 38.169.188 đồng và số tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả là 6.027.784đồng. Tổng

cộng là 164.116.474 đồng. Qua đối chiếu với chứng từ tính lãi của Ngân hàng và các quy định của pháp luật liên quan thì lãi suất Ngân hàng yêu cầu là phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong hợp đồng tín dụng, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi của Ngân hàng là phù hợp.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng, xét thấy: bà Trần Thị Mai T đã thế chấp cho Ngân hàng đất thửa đất số 1423, tờ bản đồ số 28, diện tích 277.3m², đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm khác, đất tọa lạc tại xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 963985 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 03/12/2018 cho bà Trần Thị Mai T, qua xem xét các tài liệu chứng cứ do phía Ngân hàng xuất trình và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định tại thời điểm thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất thế chấp đã được cấp quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Mai T. Việc thế chấp đã được tiến hành đăng ký theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ, tài sản thế chấp vẫn do bà Trần Thị Mai T đứng tên, không có tranh chấp nên cần tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho đến khi vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là phù hợp.

[3] *Về chi phí tố tụng*: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 2.400.000đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng (số tiền này nguyên đơn đã nộp đủ và đã được quyết toán xong).

[4] *Về án phí*: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227, Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 317; Điều 318; Điều 320; Điều 322; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP P

+ Số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng là số 37965/21MN/HĐTD ngày 10/11/2021 và khế ước nhận nợ số nợ gốc là 900.000.000đồng và tiền lãi suất trong hạn là 43.495.892đồng, lãi suất quá hạn và số tiền lãi chậm trả là 58.974.666đồng. Tổng cộng là 1.002.470.558 đồng.

+ Số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số số 43626/22MN/HĐTD ngày 12/12/2022 số nợ gốc là 1.000.000.000đồng và tiền lãi suất trong hạn là 57.994.520đồng, lãi suất quá hạn và số tiền lãi chậm trả là 51.275.688 đồng. Tổng cộng là 1.109.270.208 đồng.

+ Tiền nợ thẻ tín dụng là 119.919.502 đồng và lãi trong hạn là 38.169.188 đồng và số tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả là 6.027.784đồng. Tổng cộng là 164.116.474 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi của các khoản vay trong các hợp đồng trên là 2.275.857.240 đồng (*Hai tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi đồng*).

Đồng thời, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 13/02/2025) vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 37965/21MN/HĐTD ngày 10/11/2021, hợp đồng tín dụng hạn mức số 43626/22MN/HĐTD ngày 12/12/2022 và số hợp đồng HĐT/270/028/2492/00/29092022 ngày 29/02/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP P.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 30075/21MN/HĐBĐ ngày 10/11/2021 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 30075/21MN/HĐBĐ/PL01 ngày 12/12/2022 giữa Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và bà Trần Thị Mai T cho đến khi vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T trả nợ xong cho Ngân hàng TMCP P

2. *Về án phí*: Buộc vợ chồng ông ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T phải chịu 77.517.000đồng (*Bảy mươi bảy triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm. (Đã làm tròn số).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.943.000đồng (*Ba mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005171 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà.

3. *Về chi phí tố tụng*: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Mai T phải thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền 2.400.000đồng (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/02/2025), riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền `thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện Lâm Hà;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sơn Linh